

Số: 2081 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ gạo năm học 2024-2025 cho học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/QĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Định về Quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Bình Định về quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1540/TTr-SGDĐT ngày 06/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch hỗ trợ gạo năm học 2024 - 2025 cho học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình; Chủ tịch UBND các

huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH

Hỗ trợ gạo cho học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định, năm học 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

1. Căn cứ để xác định các xã, thôn đặc biệt khó khăn:

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.
- Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng hỗ trợ gạo:

- Học sinh tiểu học, trung học cơ sở bán trú đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú.
- Học sinh tiểu học, trung học cơ sở mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: phải qua sông suối không có cầu, qua đèo núi cao, qua vùng sạt lở có khoảng cách từ 1 km trở lên đối với học sinh tiểu học và 1,5 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.
- Học sinh tiểu học, trung học cơ sở mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã khu vực II vùng dân tộc và miền núi; nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: phải qua sông suối không có cầu, qua đèo núi cao, qua vùng sạt lở có khoảng cách từ 1 km trở lên đối với học sinh tiểu học và 1,5 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.
- Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; nhà ở xa trường khoảng cách từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: phải qua sông suối không có cầu, qua đèo núi cao, qua vùng sạt lở có khoảng cách từ 2 km trở lên; học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh ngoài các

điều kiện như người dân tộc thiểu số còn phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo.

3. Số lượng học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ của năm học 2024-2025:

Số lượng học sinh thuộc đối tượng được hỗ trợ gạo của năm học 2024-2025: 1.552 học sinh, trong đó:

- Học sinh bán trú đang học trong trường phổ thông dân tộc bán trú: 889 học sinh.

- Học sinh tiểu học, trung học cơ sở mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi đang học tại trường tiểu học (hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học) thuộc khu vực III đủ điều kiện về khoảng cách: 58 học sinh.

- Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số (hoặc học sinh người Kinh) mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu tại các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đang học tại trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông tại trường phổ thông có nhiều cấp học) đủ điều kiện về khoảng cách: 605 học sinh, trong đó: học sinh dân tộc thiểu số: 586 học sinh.

4. Số lượng gạo hỗ trợ của năm học 2024-2025: 209,52 tấn gạo (1.552 học sinh x 0,015 tấn x 9 tháng).

5. Số lượng gạo còn chưa sử dụng còn lại của học kỳ II năm học 2023-2024: 1,755 tấn.

6. Nhu cầu gạo cần hỗ trợ trong 9 tháng của năm học 2024-2025 (sau khi đã trừ số lượng gạo còn lại của năm học 2023-2024): 207,765 tấn; cụ thể:

- Số lượng gạo hỗ trợ trong học kỳ I năm học 2024-2025: 91,365 tấn, thời gian được hưởng 4 tháng từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2024.

- Số lượng gạo hỗ trợ trong học kỳ II năm học 2024-2025: 116,4 tấn, thời gian được hưởng 5 tháng từ tháng 01/2025 đến tháng 5/2025.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 và 02 đính kèm)

7. Các đơn vị tham gia bàn giao gạo:

- Đơn vị xuất cấp gạo (bên giao): Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình.
- Đơn vị phối hợp thực hiện, kiểm tra, giám sát: Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định

- Đơn vị đầu mối trực tiếp nhận gạo của bên giao: Các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố.

- Bên nhận (trường Phổ thông dân tộc bán trú, trường tiểu học, trung học cơ sở và trường THPT) cử cán bộ mang giấy giới thiệu đến trung tâm huyện để tiếp nhận gạo (tại phương tiện vận chuyển của bên cung ứng, chuyển gạo về phương tiện vận chuyển của bên nhận và vận chuyển số lượng gạo được nhận về đơn vị); kịp thời cấp phát số gạo đã nhận đến đúng đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ.

7. Thời gian dự kiến tiếp nhận gạo trong năm học 2024-2025:

- Tiếp nhận hồ trợ gạo học kỳ I năm học 2024-2025: Từ ngày 20 tháng 9 năm 2024 đến ngày 10 tháng 10 năm 2024.

- Tiếp nhận hồ trợ gạo học kỳ II năm học 2024-2025: Từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 01 năm 2025.

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực (hoặc ĐBKK vùng bãi ngang)	Tổng số học sinh thụ hưởng	Học sinh bán trú đang học tại trường phổ thông dân tộc bán trú		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo	
				Chia ra		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo dân tộc	
				Học sinh tiểu học	Học sinh THCS	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	10 Km trở lên	2 Km trở lên	Dân tộc thiểu số	Dân tộc Kinh
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
IV	Phòng GD và ĐT Vân Canh		190	0	190	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trường PTDTBT Canh Liên		103		103												
2	Trường THCS bán trú Canh Thuận		87		87												
B	TR. THPT THUỘC SỞ QUẢN LÝ		605	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	605	0	586	19
I	Huyện Tuy Phước		1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
1	Trường THPT số 1 Tuy Phước		1											1			1
II	Huyện Tây Sơn		21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	21	0	21	0
1	Trường THPT Quang Trung		4											4			4
2	Trường THPT Nguyễn Huệ		17											17			17
III	Huyện Hoài Ân		59	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	0	59	0
1	Trường THPT Trần Quang Diệu		59											59			59
IV	Huyện An Lão		144	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	144	0	144	0
1	Tr. PTDTNT THCS&THPT An Lão		144											144			144
V	Huyện Vĩnh Thạnh		269	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	269	0	251	18
1	Trường THPT Vĩnh Thạnh		18											18		0	18
2	Tr.PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh		251											251		251	
VI	Huyện Vân Canh		111	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	111	0	111	0
1	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh		111											111		111	

Phụ lục 02

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH HỖ TRỢ GẠO DỰ TRỮ QUỐC GIA CHO HỌC SINH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP**Năm học 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- UBND ngày /6/2024 của UBND tỉnh Bình Định)

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ gạo học năm học 2024-2025	Định mức hỗ trợ gạo (tấn/học sinh/tháng)	Số tháng hỗ trợ của năm học 2024-2025	Nhu cầu gạo hỗ trợ của năm học 2024-2025 (1.000 kg)	Số lượng gạo thực tế còn thừa chưa cấp phát đến học sinh của học kỳ II năm học 2024-2025 (1.000 kg)	Số lượng gạo được hỗ trợ của năm học 2024-2025 sau khi giảm trừ số gạo còn thừa học kỳ II năm học 2023-2024 (1.000 kg)	Chia ra	
									Số lượng gạo được hỗ trợ của học kỳ I năm học 2024-2025 sau khi giảm trừ số gạo còn thừa học kỳ II năm học 2023-2024 (1.000 kg)	Số lượng gạo được hỗ trợ của học kỳ II năm học 2024-2025 (1.000 kg)
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG (A+B)		1.552			209,520	1,755	207,765	91,365	116,400
A	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		947			127,845	0,135	127,710	56,685	71,025
I	Phòng GD và ĐT Tây Sơn		71			9,585	0,000	9,585	4,260	5,325
1	Trường PTDTBT Tây Sơn		71	0,015	9	9,585		9,585	4,260	5,325
II	Phòng GD và ĐT An Lão		376			50,760	0,000	50,760	22,560	28,200
1	Trường PTDTBT An Lão		209	0,015	9	28,215		28,215	12,540	15,675
2	Trường PTDTBT Đinh Ruôi		119	0,015	9	16,065		16,065	7,140	8,925
3	Trường tiểu học An Trung	III	22	0,015	9	2,970		2,970	1,320	1,650
4	Trường tiểu học An Nghĩa	III	26	0,015	9	3,510		3,510	1,560	1,950
III	Phòng GD và ĐT Vĩnh Thạnh		310			41,850	0,075	41,775	18,525	23,250
1	Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn		177	0,015	9	23,895		23,895	10,620	13,275
2	Tr. PTDTBT TH & THCS Vĩnh Kim		123	0,015	9	16,605	0,075	16,530	7,305	9,225
3	Trường THCS Vĩnh Hiệp	III	10	0,015	9	1,350		1,350	0,600	0,750
IV	Phòng GD và ĐT Vân Canh		190			25,650	0,060	25,590	11,340	14,250
1	Trường PTDTBT Canh Liên		103	0,015	9	13,905		13,905	6,180	7,725
2	Trường THCS bán trú Canh Thuận		87	0,015	9	11,745	0,060	11,685	5,160	6,525
B	TR. THPT THUỘC SỞ QUẢN LÝ		605			81,675	1,620	80,055	34,680	45,375
I	Huyện Tuy Phước		1			0,135	0,000	0,135	0,060	0,075
1	Trường THPT số 1 Tuy Phước		1	0,015	9	0,135		0,135	0,060	0,075
II	Huyện Tây Sơn		21			2,835	0,000	2,835	1,260	1,575
1	Trường THPT Quang Trung		4	0,015	9	0,540		0,540	0,240	0,300
2	Trường THPT Nguyễn Huệ		17	0,015	9	2,295		2,295	1,020	1,275
III	Huyện Hoài Ân		59			7,965	0,300	7,665	3,240	4,425
1	Trường THPT Trần Quang Diệu		59	0,015	9	7,965	0,300	7,665	3,240	4,425
IV	Huyện An Lão		144			19,440	0,525	18,915	8,115	10,800
1	Tr. PTDTNT THCS&THPT An Lão		144	0,015	9	19,440	0,525	18,915	8,115	10,800

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ gạo học năm học 2024-2025	Định mức hỗ trợ giáo (tân/học sinh/tháng)	Số tháng hỗ trợ của năm học 2024-2025	Nhu cầu gạo hỗ trợ của năm học 2024-2025 (1.000 kg)	Số lượng gạo thực tế còn thừa chưa cấp phát đến học sinh của học kỳ II năm học 2024-2025 (1.000)	Số lượng gạo được hỗ trợ của năm học 2024-2025 sau khi giảm trừ số gạo còn thừa học kỳ II năm học 2023-2024 (1.000 kg)	Chia ra	
									Số lượng gạo được hỗ trợ của học kỳ I năm học 2024-2025 sau khi giảm trừ số gạo còn thừa học kỳ II năm học 2023-2024 (1.000 kg)	Số lượng gạo được hỗ trợ của học kỳ II năm học 2024-2025 (1.000 kg)
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9
V	Huyện Vĩnh Thạnh		269			36,315	0,420	35,895	15,720	20,175
1	Trường THPT Vĩnh Thạnh		18	0,015	9	2,430	0,225	2,205	0,855	1,350
2	Tr.PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh		251	0,015	9	33,885	0,195	33,690	14,865	18,825
VI	Huyện Vân Canh		111			14,985	0,375	14,610	6,285	8,325
1	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh		111	0,015	9	14,985	0,375	14,610	6,285	8,325